

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2020/DS-PT

Ngày 13 - 02 - 2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tùng

- *Các Thẩm phán:*

1. Ông Trần Anh Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2019/DS-PT ngày 19/12/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn T; trú tại: Thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh H, bà Võ Thị S; trú tại: Thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 12/7/1993 tôi được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ 04, diện tích 2340m², vị trí như sau: Phía đông giáp đường vào nghĩa trang B, phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, phía Nam giáp vườn nhà ông Trần Văn B, phía Bắc giáp vườn nhà ông Võ Thanh H. Quá trình sử dụng gia đình tôi sử dụng ổn định không xảy ra cãi vã hay tranh chấp.

Từ ngày 29/01/2019, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chính lý tại trang 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về việc thu hồi 162m² để mở rộng đường vào nghĩa trang thị xã B, diện tích đất còn lại là 2178m², tháng 3/2019 tôi có nhu cầu chuyển nhượng phần diện tích đất phía Đông Bắc, giáp phía Đông Nam vườn nhà ông Võ Thanh H, tôi có lập hồ sơ tách thửa chuyển nhượng nhưng ông Võ Thanh H không ký vào hồ sơ mô tả giáp ranh và còn vu khống gia đình tôi lấn chiếm đất, diện tích đất tranh chấp là: Phía đông giáp đường vào nghĩa trang là 0,3m, Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn là 0,3m, Chiều dài từ Đông sang Tây là 100m. Tổng diện tích tranh chấp là 30m².

Nay tôi yêu cầu ông H, bà S đi đến thống nhất xác định ranh giới đất đang tranh chấp tiếp giáp về phía Đông-Bắc, phần đất toạ lạc tại thôn Đ, xã E, thị xã B, Đắk Lắk. Nguyên vọng của tôi là kéo theo mốc cũ có sẵn từ trụ bê tông phía trước theo hướng từ trước ra sau đã có từ xưa tới nay.

- Bị đơn bà Võ Thị S và là người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn ông Võ Thanh H trình bày:

Vào ngày 12/7/1993 ông Võ Thanh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ 04, diện tích 2.990m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975675, lô đất toạ lạc tại thôn Đ, xã E, thị xã B. Căn cứ vào trích lục bản đồ thửa đất số 138, tờ bản đồ 04, đo đạc năm 1987, cấp Giấy CNQSDĐ năm 1993. Hiện nay phần đất của gia đình ông H, bà S bị ông Nguyễn Văn T lấn chiếm, xây dựng công trình trên phần đất này. Giữa gia đình ông H, bà S và ông Nguyễn Văn T có thửa đất liền kề của ông T, cùng tại địa chỉ thôn Đ, xã E, thị xã B, Đắk Lắk, đã thống nhất năm 1988 khi đặt ranh giới, ông T không cho gia đình ông H, bà S trồng giữa ranh giới và yêu cầu trồng về phần đất nhà ông H, bà S, còn ranh giới thì 2 bên chưa ra và gia đình ông H, bà S đồng ý như trên. Nhưng đến nay không những ông T đã lấy ranh giới làm của mình mà còn xâm chiếm thêm qua phần đất thổ cư của ông H, bà S, xây dựng chuồng bò và phun thuốc chết hàng rào dâm bụt, hư hại một số cây cà phê của gia đình ông H, bà S, lúc đó vào khoảng tháng 06/2017. Ngày 27/01/2018 ông T qua nhà ông H, bà S bảo ký xác nhận ranh giới giữa hai bên

gia đình nhưng tôi yêu cầu phải có cơ quan địa chính xuống xác nhận thực trạng đất của ông H, bà S và yêu cầu ông T phải trả lại ranh giới và tháo dỡ những gì ông T làm trên phần đất của gia đình ông H, bà S.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của gia đình ông H, bà S có chiều dài giáp mặt đường là 110,87m, chiều dài giáp nhà ông Nguyễn Văn T là 110,50m, chiều ngang giáp đường và thửa đất số 136 là 31,74m, chiều ngang giáp đường và thửa đất số 129 là 30,10m. Như vậy do có sự nhầm lẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H ghi tổng diện tích là 2990m², nhưng thực tế đúng ra là 3.422m².

Trong quá trình sử dụng gia đình ông Nguyễn Văn T đã lấn chiếm đất của gia đình ông H, bà S theo chiều dài của thửa đất giáp ranh với nhà ông T cụ thể: Phần đầu nhà ông T lấn chiếm khoảng 0,13m ngang, phía sau lấn chiếm khoảng 2,33m ngang.

Vì theo thông tin lưu trữ thửa đất và kết quả đo đạc năm 1999 thì phần đất phía sau của ông T tăng từ 19,99m lên 20,58m và theo kết quả đo đạc năm 2010 phần đất của ông T tăng thêm từ 20,58m thành 22,32m. Việc tăng thêm về chiều ngang của thửa đất so với lúc được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứng tỏ gia đình ông T đã lấn chiếm qua phần đất của gia đình ông H, bà S. Đáng lẽ ra phần đất của ông T đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía sau là 19,99m, phía trước là 21,88m.

Nay ông H, bà S yêu cầu thống nhất ranh giới giữa hai bên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất năm 1993 và yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông H, bà S khoảng 40m² theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 109m² và tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm của gia đình tôi.

**** Tại bản án số 39/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Điều 143; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 158; 166; 170; 175; 176; 221 Bộ luật dân sự; 202; 203 Luật Đất đai.

- Căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, xác định ranh giới đất giữa 02 lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975690, mang tên Nguyễn Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975675, mang tên ông Võ Thanh H, được UBND huyện K cấp ngày 12/7/1993 như sau: Lấy trụ bê tông cố định mà hai bên thống nhất làm ranh giới phía trước (phía Tây) có vị trí ở giữa 02 lô đất của ông T và ông H, từ trụ bê tông đến hết phần đất của ông T có cạnh dài là 22m, từ trụ bê tông đến hết phần đất của ông H có cạnh dài là 33m, kéo 01 đường thẳng từ trụ bê tông theo hướng Tây Sang Đông đến hết lô đất, xác định được ranh giới phía sau (Phía Đông) giữa hai lô đất trên có cạnh dài 109,55m, từ vị trí này đến ranh giới cuối cùng giữa ông T và ông Bình có cạnh dài 22m (Cạnh đất phía Đông của ông T).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị S về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông bà diện tích khoảng 40m² theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 109m² và tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông bà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2019, bị đơn ông H, bà S kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, xử án theo đúng trình tự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và bị đơn ông Võ Thanh H, bà Võ Thị S vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xác định ranh giới thuộc thẩm quyền của UBND xã E, thị xã B, bị đơn ông Võ Văn H và bà Võ Thị S làm đơn phản tố yêu cầu ông T giao trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa thể hiện được việc ông T có lấn chiếm đất hay không. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số: 39/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về lại cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết

thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Võ Thanh H và bà Võ Thị S, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn phản tố của ông bà hoặc hủy bản án sơ thẩm.

[1.1] Việc ông H, bà S đề nghị chấp nhận đơn phản tố của ông bà, xét thấy:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2020 và kết quả đo đạc ngày 13/01/2020 thì giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Võ Thanh H, bà Võ Thị S không tranh chấp từ cạnh phía Tây (cọc bê tông) kéo dài đến mét thứ 22,2.

Từ mét thứ 22,3 kéo dài đến cạnh phía Đông của 2 thửa đất (giáp đường đi vào nghĩa trang thị xã) có tranh chấp 2m chiều rộng mặt đường cạnh phía Đông, vì không xác định được ranh giới hai người sử dụng. Ông T chỉ mốc giới, gia đình ông sử dụng là 22m; ông H chỉ mốc giới, gia đình ông sử dụng là 26,53m

Sau khi xem xét và so sánh: Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1987 thì đất phía cạnh Đông của hộ ông H được cấp sử dụng rộng là 30,10m thực tế 24,53m thiếu 5,47m; hộ ông T được cấp sử dụng là 19,99m thực tế hộ ông T sử dụng 20m thừa 0,01m. Còn lại 02m rộng mặt đường cạnh phía Đông chưa xác định được ranh giới, tuy nhiên xem xét diện tích đất cả hai bên đều thừa. Để đảm bảo công bằng cho hai bên đương sự nên phân chia cho mỗi bên 01m cạnh rộng mặt đường phía Đông lấy điểm giữa của 2m chia đôi làm ranh giới cho hai nhà là hợp lý và kéo từ Đông sang Tây đến điểm mét thứ 22,2. Do đó, cạnh Đông hộ ông T được sử dụng rộng mặt đường 21m; hộ ông H được sử dụng rộng mặt đường 25,53m. Như vậy, hộ ông T được sử dụng có diện tích 2.369,4m² có vị trí: Đông giáp đường đi nghĩa trang thị xã Buôn Hồ rộng 21m; Tây giáp đường đi rộng 22,01m; Bắc giáp đất ông H dài 110m; Nam giáp đất ông B dài 110,33m. Hộ ông H được sử dụng diện tích đất 3.105,7m² có vị trí: Đông giáp đường đi nghĩa trang thị xã B rộng 25,53m; Tây giáp đường đi rộng 31,80m; Bắc giáp đường đi dài 107,25m; Nam giáp đất ông T dài 110m.

Khi phân định rõ ranh giới cho hai hộ ông T và hộ ông H, thì tại mét thứ 22,2 kéo dài theo phía Đông dài 9,38m có tường xây thô lợp tôn của ông Nguyễn Văn T, có diện tích là 3,45m²; vị trí: Đông giáp đất ông H rộng 44cm (tường xây thô); Tây

giáp đất ông H rộng 30cm (tường xây thô); Bắc giáp đất ông H dài 9,38m (tường xây thô); Nam giáp đất ông T dài 9,38m, bức tường cao bình quân là 02m. Trị giá: Tài sản trên đất 829.160 đồng, trị giá đất là 966.000 đồng. Khi kéo ranh giới từ cạnh phía Đông sang cạnh phía Tây thì hộ ông T xây lấn lên đất của ông H diện tích đất này nên ông T phải dỡ bỏ để trả lại đất cho ông H là có căn cứ.

Do đó, kháng cáo vấn đề này của ông H, bà S là có căn cứ để xem xét.

[1.2] Việc ông H, bà S yêu cầu hủy bỏ bản án số 39/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk là không có căn cứ để xem xét. Bởi vì, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân định ranh giới đất sử dụng giữa hai hộ, ông H, bà S phản tố yêu cầu ông T giao trả diện tích đất lấn chiếm diện tích đất 3,45m²; vị trí: Đông giáp đất ông H rộng 40cm (tường xây thô); Tây giáp đất ông H rộng 30cm (tường xây thô); Bắc giáp đất ông H dài 9,4m (tường xây thô); Nam giáp đất ông T dài 9,38m, bức tường cao bình quân là 02m. Do bức tường xây đã lâu, giá trị sử dụng không còn nên không cần thiết phải tính giá trị.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Thanh H, bà Võ Thị S nên chấp nhận đơn phản tố của ông H và bà S.

[2] Về chi phí tố tụng: Do sửa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, chấp nhận đơn phản tố của bị đơn ông H, bà S nên chi phí tố tụng được tính lại theo quy định của pháp luật. Tại Tòa án cấp sơ thẩm hết 2.000.000 đồng (thẩm định và định giá), số tiền này do ông T đã nộp, tại Tòa án cấp phúc thẩm hết 9.000.000 đồng (chi phí đo đạc: 6.500.000 đồng, xe + Công tác phí: 1.600.000 đồng, công tác phí: 800.000 đồng, nước uống 100.000 đồng) do ông H nộp. Sau khi khấu trừ của ông T 2.000.000 đồng thì ông T còn phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 3.500.000 đồng.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Tuy được chấp nhận đơn khởi kiện xác định ranh giới của nguyên đơn và chấp nhận đơn phản tố của bị đơn, nhưng cả hai bên đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông T là người phải tháo dỡ bức tường và trả lại diện tích nói trên, tổng giá trị là 1.795.160 đồng nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông H, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Thanh H và bà Võ Thị S.

- *Căn cứ các Điều 158; 166; 170; 175; 176; 221 Bộ luật dân sự; 202; 203 Luật Đất đai.*

- *Căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và chấp nhận đơn phản tố của ông Võ Thanh H và bà Võ Thị S

[1.1] Xác định ranh giới đất giữa 02 lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975690, mang tên Nguyễn Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975675, mang tên ông Võ Thanh H.

- Ông Nguyễn Văn T được xác định ranh giới và quyền sử dụng định đoạt diện tích đất thực tế là 2.369,4m² ở thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí: Đông giáp đường đi nghĩa trang thị xã B rộng 21m (theo bờ ranh giáp đất ông B); Tây giáp đường đi rộng 22,01m; Bắc giáp đất ông H dài 110m; Nam giáp đất ông B dài 110,33m.

- Hộ ông Võ Thanh H và bà Võ Thị S được xác định ranh giới và quyền sử dụng diện tích đất 3.105,7m² ở thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí: Đông giáp đường đi nghĩa trang thị xã B rộng 25,53m (tính từ phần tiếp giáp hành lang an toàn giao thông cạnh phía Bắc); Tây giáp đường đi rộng 31,80m; Bắc giáp đường đi dài 107,25m; Nam giáp đất ông T dài 110m.

Ông Nguyễn Văn T và hộ ông Võ Thanh H, bà Võ Thị S có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động lại đối với phần diện tích đất mình được sử dụng.

[1.2] Buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ tường xây thô lợp tôn của ông Nguyễn Văn T để trả lại diện tích đất là 3,45m² ở thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí: Đông giáp đất ông H rộng 44cm (tường xây thô không tô trát); Tây giáp đất ông H rộng 30cm (tường xây thô); Bắc giáp đất ông H dài 9,4m (tường xây thô); Nam giáp đất ông T dài 9,38m, bức tường cao bình quân là 02m (tại mét thứ 22,2 kéo dài theo phía Đông dài 9,38m tức đến mét thứ 31,58).

[2] Về chi phí tố tụng: Do sửa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, chấp nhận đơn phản tố của bị đơn ông H, bà S nên chi phí tố tụng được tính như sau: Tại Tòa án cấp sơ thẩm hết 2.000.000 đồng (thẩm định và định giá), số tiền này do ông T đã nộp, tại Tòa án cấp phúc thẩm hết 9.000.000 đồng (chi phí đo đạc: 6.500.000 đồng, xe: 1.600.000 đồng, công tác phí: 800.000 đồng, nước uống 100.000 đồng) do ông H nộp. Sau khi khấu trừ của ông T 2.000.000 đồng thì ông T còn phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 3.500.000 đồng. Ông H được nhận lại số tiền 3.500.000 đồng sau khi thu được từ ông T.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án thị xã B theo biên lai số: AA/2019/0000204 ngày 12/8/2019.

+ Ông Võ Thanh H và bà Võ Thị S (mỗi người) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (mỗi người) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án thị xã B theo biên lai số: AA/2019/0004659 (bà Võ thị S nộp thay ông H) và biên lai số: AA/2019/0004659 cùng ngày 20/11/2019.

- Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông H, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Thị xã Buôn Hồ;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tùng